

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41 /2017/DS-ST

Ngày: 21-7-2017

V/v: “tranh chấp

hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Hùng.

2. Ông Ngô Bá Đức.

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc: “tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957; Trú tại ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965; Trú tại ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà yêu cầu bà P trả lại cho bà số tiền nợ hui là 11.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bà chỉ yêu cầu một mình bà P trả tiền cho bà vì bà chỉ chơi hui với bà P không yêu cầu chồng bà P cùng trả.

Từ năm 2013, 2014, 2015 âm lịch, bà có tham gia hui do bà P làm đầu thảo, bà tham gia 06 dây hui:

Dây hui thứ nhất 500.000 đồng khai ngày 01/5/2014 âm lịch.

Dây hui thứ hai 500.000 đồng khai ngày 02/9/2014 âm lịch.

Dây hui thứ ba 500.000 đồng khai ngày 06 tháng chạp năm 2013 âm lịch.

Dây hụi thứ tư 500.000 đồng khui ngày 10/7/2014 âm lịch.

Dây hụi thứ năm 500.000 đồng khui ngày rằm tháng giêng năm 2015 âm lịch.

Dây hụi thứ sáu 500.000 đồng khui ngày 25/11/2014 âm lịch, gồm 24 phần bà tham gia 01 phần, bà góp được 23 tháng, tổng số tiền là 11.500.000 đồng, dây hụi này kết thúc vào tháng 9/2016 nhưng bà P không giao số tiền này cho bà.

Vào năm 2015 bà P viết cho bà danh sách 06 dây hụi này,

Sau đó đến năm 2016 bà tham gia chơi thêm 04 dây hụi và bà hốt hết 04 dây hụi năm 2015 gồm dây hụi thứ nhất 500.000 đồng khui ngày 01-5-2014 âm lịch, dây hụi thứ hai 500.000 đồng khui ngày 02/9/2014 âm lịch, dây hụi thứ ba 500.000 đồng khui ngày 06 tháng chạp năm 2013 âm lịch, dây hụi thứ tư 500.000 đồng khui ngày 10-7-2014 âm lịch còn lại 02 dây hụi chưa hốt là dây hụi thứ năm 500.000 đồng khui ngày rằm tháng giêng năm 2015 âm lịch, dây hụi thứ sáu 500.000 đồng khui ngày 25-11-2014 âm lịch nên tổng cộng năm 2016 bà còn chơi 06 dây hụi gồm 04 dây mới và 02 dây cũ.

Năm 2016 bà P viết cho bà danh sách hụi 06 dây hụi nhưng trong danh sách bà ghi có 04 dây hụi mới và 01 dây hụi cũ, riêng dây hụi 500.000 đồng khui ngày 25-11-2014 âm lịch không có ghi mà bà P ghi dây hụi 500.000 đồng khui ngày 25 tháng chạp năm 2015 âm lịch.

Đối với dây hụi 500.000 đồng khui ngày 25 tháng chạp năm 2015 do bà P trình bày bà có tham gia là không đúng, vì dây hụi này bà không biết, bà không có tham gia.

Các lần bà hốt hụi thì bà P không có làm giấy giao nhận tiền với bà, bà P nhận lại giấy ghi các dây hụi bà đã hốt.

Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Nay bà L yêu cầu bà trả số tiền hụi là 11.300.000 đồng thì bà không đồng ý vì bà đã giao hụi cho bà L xong.

Bà L có tham gia chơi hụi do bà là đầu thảo 06 dây hụi như bà L trình bày là đúng, bà L đã hốt hết tất cả các phần này. Dây hụi thứ sáu 500.000 đồng khui ngày 25-11-2014 âm lịch, bà L đã đóng được 23 tháng, tổng số tiền là 11.500.000 đồng và bà L đã hốt hụi xong vào tháng 10-2016 âm lịch, bà L hốt dây hụi này tổng số tiền là 11.500.000 đồng, sau đó bà L khấu trừ 200.000 đồng đầu thảo cho bà và trả cho bà tiền nợ còn lại của các kỳ trước là 1.358.000 đồng, do bà L có bao nhiêu thì đóng bấy nhiêu nên có số lẻ. Lúc bà giao tiền phần hụi này cho bà L thì có bà 6 R, bà B và vợ H chứng kiến. Từ trước đến giờ khi giao tiền hụi thì có làm giấy giao tiền bà có ký tên và giao luôn cho người nhận tiền hụi, còn giấy ghi hụi các hụi viên vẫn giữ, không có giao lại cho bà.

Sau khi hốt phần hụi này hai tháng, tức là dây hụi khui ngày 24-11-2015 âm lịch, bà L đến gặp bà yêu cầu bà giao tiền hụi của phần hụi khui ngày 25-11-

2015 âm lịch nhưng bà đã giao cho bà L xong nên bà L tranh chấp với bà yêu cầu bà trả số tiền hụi này.

Đối với dây hụi 500.000 đồng khai ngày 25 tháng chạp năm 2015, bà L có tham gia nhưng bà L nói là không có tham gia dây hụi này nên bà đã hủy dây hụi này với bà L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm :

Về thủ tục tố tụng: việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị: Áp dụng Điều 471 bộ luật Dân sự năm 2015, điều 24, 25, 26, 27, 28 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006, bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà P trả 11.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi qui định tại khoản 1 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung :

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy, bà L có tham gia góp hụi do bà Nguyễn Thị P làm đầu thảo trong các năm 2013, 2014 và 2015 tổng cộng được 06 phần hụi trong 06 dây hụi, tất cả các phần hụi bà L tham gia góp có giá trị là 500.000 đồng. Cụ thể là các dây hụi ngày 01-5-2014 âm lịch, ngày 02-9-2014 âm lịch, 06 tháng chạp năm 2013 âm lịch, ngày 10-7-2014 âm lịch, ngày rằm tháng giêng năm 2015 âm lịch và dây hụi ngày 25-11-2014 âm lịch. Bà L đã cung cấp được giấy ghi 06 dây hụi này do bà P tự ghi và giao cho bà L trong quá trình hai bên còn quan hệ góp hụi với nhau. Bị đơn bà P cũng thống nhất như lời trình bày này của bà L. Như vậy, việc bà L có tham gia góp hụi 06 dây hụi nêu trên do bà P làm đầu thảo là có thật. Các đương sự đều thống nhất bà L đóng tiền hụi sống của dây hụi ngày 25-11-2014 âm lịch được 23 phần và bà L hốt chót được 11.500.000 đồng nhưng phải trả tiền hoa hồng cho bà P 200.000 đồng nên chủ hụi là bà P phải giao cho bà L là 11.300.000 đồng. Tuy nhiên , các bên không thống nhất về việc giao tiền phần hụi này. Bà P cho rằng bà đã giao tiền cho bà P dây hụi khai ngày 25-11-2014 âm lịch vào ngày 25-10-2016 âm lịch là 11.300.000 đồng, bà L cho rằng ngày 20-11-2016 âm lịch bà có nhận của bà P 11.300.000 đồng nhưng là của dây hụi ngày 15 tháng giêng năm 2015 âm lịch. Bà P cho rằng dây hụi khai ngày 15 tháng giêng năm 2015 âm lịch bà đã giao cho bà L rồi vào ngày rằm tháng giêng năm 2017 âm lịch nhưng khi

giao hui các bên không ký tên, không người làm chứng, bà cho rằng bà đã giao dây hui ngày 25-11-2014 âm lịch nhưng bà không có chứng cứ chứng minh trong khi đó bà L không thừa nhận đã nhận tiền hui của dây hui khui ngày 25-11-2014 âm lịch. Người làm chứng của bị đơn khai thấy bà P giao tiền cho bà L nhưng không biết tiền gì, bao nhiêu tiền nên không có cơ sở xem xét. Ngoài ra, đối với danh sách hui của 07 phần hui có chữ ký của bà P các đương sự đều thống nhất bà P viết và giao cho bà L vào năm 2016 nhưng sau khi hai bên tranh chấp dây hui khui ngày 25-11-2014 âm lịch nên không có cơ sở khẳng định bà L thừa nhận đã nhận tiền của dây hui khui ngày 25-11-2014 âm lịch, từ nhận định trên có cơ sở khẳng định bà L chưa nhận tiền hui của dây hui khui ngày 25-11-2014 âm lịch từ bà P nên yêu cầu của bà L là có cơ sở nên được chấp nhận. Buộc bà P có nghĩa vụ giao trả cho bà L 11.300.000 đồng tiền hui, không tính lãi.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Bà P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, điều 24, 25, 26, 27 Nghị định 144/2016/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của chính phủ về họ, hui, biểu, phường.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 11.300.000 (mười một triệu ba trăm nghìn) đồng tiền hui, không tính lãi.

“Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị P phải nộp 565.000 (năm trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 282.500 (hai trăm tám mươi hai ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số 0007657 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H. Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS H. Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên